

Bản án số: 15/2026/DSST
Ngày: 11/3/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiên và bà Đỗ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-DS ngày 27/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-DS ngày 12/02/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S.

Địa chỉ: 2 N, phường X, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M - chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh V- Chức vụ: Phó phòng phụ trách phòng giao dịch G- Ngân hàng TMCP S - chi nhánh P. Theo giấy ủy quyền số 4775/2025/QĐ-PC ngày 26/12/2025.

Ông V ủy quyền lại cho bà Trương Thị Thu T- Chuyên viên kiểm soát tuân thủ Phòng giao dịch G (Theo giấy ủy quyền số 164/2026/GUQ-CNPY ngày 10/02/2026). Địa chỉ: 3 T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Bà T có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Oanh K, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn L, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trương Thị Thu T trình bày:

Ngày 22/8/2022 bà Bùi Thị Oanh K có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P - Phòng giao dịch G (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp

đồng – số hợp đồng 2199316 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà K thì Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho bà Bùi Thị Oanh K với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); với mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Lãi suất cho vay: 33,2%/ năm. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả tiền vay theo tháng: thanh toán tối thiểu 3%/tổng dư nợ vào ngày 15 hàng tháng.

Sau khi được cấp tín dụng bà K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 626.500.000 đồng

Tính đến ngày 15/10/2024, bà K đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 612.073.000đ. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Từ ngày 15/11/2024 đến nay bà K không thanh toán cho Ngân hàng thêm khoản tiền nào. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà K vẫn không có thiện chí trả nợ.

Đến ngày 15/02/2025 nhận thấy bà K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ bà K còn thiếu tại thời điểm này là 57.137.237 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 11/3/2026, bà K còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc 57.137.237 đồng; nợ lãi quá hạn 30.739.169 đồng, tổng cộng: 87.876.406 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà K phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/3/2026 là 87.876.406 đồng. Ngoài ra bà K còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 12/3/2026 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

- Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Bùi Thị Oanh K nhưng bà K không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đều thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn bà Bùi Thị Oanh K vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự (BLDS); khoản 4 Điều 4, Điều 100, Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Bùi Thị Oanh K phải trả cho Ngân hàng số tiền

gốc và lãi tính đến ngày 11/3/2026 là 87.876.406 đồng (trong đó dư nợ gốc 57.137.237 đồng; nợ lãi quá hạn 30.739.169 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/3/2026 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng. Về án phí: bà K phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị Oanh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng với mục đích vay tiêu dùng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn đăng ký thường trú tại xã X, tỉnh Đắk Lắk. TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng – số hợp đồng 2199316 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), thể hiện chữ ký của bà Bùi Thị Oanh K phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Đủ cơ sở xác định: Vào ngày 22/8/2022, bà Bùi Thị Oanh K có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà K với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay: 33,2%/ năm. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả tiền vay theo tháng: thanh toán tối thiểu 3%/tổng dư nợ vào ngày 15 hàng tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà K đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 626.500.000 đồng. Bà K đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 612.073.000đ. Từ ngày 15/11/2024 đến nay bà K không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, ngày 15/02/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà K và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/3/2026, bà K còn nợ sử dụng thẻ tín dụng với dư nợ gốc 57.137.237 đồng; nợ lãi quá hạn 30.739.169 đồng, tổng cộng: 87.876.406 đồng.

Trong hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ gốc và lãi, thỏa thuận về lãi suất theo biểu lãi suất của Ngân hàng, bị đơn không thanh

toán tiền nợ gốc và lãi theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp quy định của các Điều 463, 466 của BLDS nên cần chấp nhận, buộc bị đơn bà Bùi Thị Oanh K phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 11/3/2026 là 87.876.406 đồng (trong đó dư nợ gốc 57.137.237 đồng; nợ lãi quá hạn 30.739.169 đồng). Bà Bùi Thị Oanh K phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/3/2026.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $87.876.406đ \times 5\% = 4.393.820$ đồng; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 4, Điều 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà Bùi Thị Oanh K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 87.876.406đ (*Tám mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng*) (trong đó dư nợ gốc là 57.137.237 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/3/2026 là 30.739.169 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

- Bà Bùi Thị Oanh K phải chịu 4.393.820đ (*Bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn tám trăm hai mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.701.053đ (*Một triệu bảy trăm lẻ một nghìn không trăm năm mươi ba đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003277 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14-Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 14-Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền